

THỰC TRẠNG NHẬN THỨC GIỚI TÍNH CỦA HỌC SINH TRƯỜNG TIỂU HỌC VVH, QUẬN 9, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

THE REALITY OF SEX EDUCATION FOR PUPILS AT VVH PRIMARY SCHOOL

NGUYỄN THÚY HẠNH

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, nguyenhanh158@gmail.com

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<p>Ngày nhận: 02/02/2019 Ngày nhận lại: 19/02/2019 Duyệt đăng: 11/3/2019 Mã số: TCKH-S01T03-B09-2019 ISSN: 2354 – 0788</p> <p>Từ khóa: <i>giới tính, giáo dục giới tính, học sinh tiểu học.</i></p> <p>Key words: <i>Sex, sexual education, primary pupils.</i></p>	<p><i>Ở Thành phố Hồ Chí Minh, số học sinh tiểu học bước vào tuổi dậy thì đang ngày một tăng lên. Các vấn đề về giới tính của học sinh đang phát sinh từng ngày từng giờ và sự nguy hiểm vẫn luôn rình rập các bé, vì vậy đòi hỏi sự cần thiết giáo dục và quan tâm sâu sát hơn nữa của người lớn, của gia đình, của nhà trường, của cộng đồng xã hội. Giai đoạn này, các em rất cần được trang bị những kiến thức và kỹ năng về giới tính. Hiểu biết, có kiến thức đầy đủ về giới tính sẽ giúp các em giải quyết những vấn đề của bản thân, có thái độ tôn trọng, có quyền và trách nhiệm bảo vệ sự an toàn của bản thân. Việc giáo dục giới tính cho học sinh càng sớm thì càng đạt được những giá trị quan trọng trong việc bảo vệ bản thân và là nền tảng cho sự phát triển của các em về sau.</i></p> <p>ABSTRACTS <i>In Ho Chi Minh City, the number of primary pupils entering puberty is increasing. The sexual issues of pupils are arising every day and hour and the danger is always stalking the children, so it requires the necessary education and deeper care of adults and families, the school, and the social community. At this stage, pupils need to be equipped with sex knowledge and skills. Knowing and having enough knowledge about sex will help them solve their problems, have a respectful attitude, have the right and responsibility to protect their own safety. The earlier the sex education for students is, the more important they are to protect themselves and be the foundation for their development later.</i></p>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nghị Quyết số 29 – NQ/TW xác định rõ mục tiêu giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng,

khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân. Giáo dục giới tính chính là “một hợp phần cần thiết, không thể tách rời của quá trình giáo dục toàn diện thế hệ đang trưởng thành” (Nguyễn Thanh

Bình, 2005, tr.276). Việc giáo dục giới tính đòi hỏi một quá trình giáo dục lâu dài, kế hoạch rõ ràng, có lộ trình, có hệ thống từ lớp nhỏ đến lớp lớn để cung cấp cho các em một lượng kiến thức đầy đủ về giới tính.

Giáo viên các trường tiểu học nói chung và Trường Tiểu học VVH đã nhận thức được tầm quan trọng của việc giáo dục giới tính cho học sinh nên đã cố gắng giáo dục cho các em không những ở trên lớp mà còn lồng ghép nội dung giới tính vào các tiết học và các hoạt động giáo dục có nội dung phù hợp. Trong thực tế, nhận thức về giới tính của nhiều em ở một số nội dung còn rất hạn chế. Nghiên cứu, tìm hiểu nguyên nhân của những hạn chế để có biện pháp giáo dục hiệu quả là rất cần thiết.

2. TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU

Để nghiên cứu thực trạng nhận thức về giới tính của học sinh Trường Tiểu học VVH, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, người nghiên cứu tập trung vào các nội dung sau: Tìm hiểu thực trạng nhận thức về giới tính của học sinh Trường Tiểu học VVH; Tìm hiểu thực trạng nhận thức của cán bộ quản lý và giáo viên về giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học VVH; Tìm hiểu những khó khăn của giáo viên trong quá trình giáo dục giới tính cho các em.

Phương pháp khảo sát

Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi: Sử dụng các phiếu hỏi dành cho học sinh lớp 4,5 và phiếu hỏi dành cho giáo viên và cán bộ quản lý để khảo sát thực trạng nhận thức về giới tính của học sinh; thực trạng giáo dục giới tính cho các em.

Phương pháp trò chuyện: Trò chuyện với 25 học sinh, 5 giáo viên và 1 cán bộ quản lý để tìm hiểu sâu nguyên nhân về thực trạng trên.

Phương pháp quan sát: Quan sát các hoạt động của cô và trò ở trường học để tìm hiểu thực trạng nhận thức về giới tính của học sinh và giáo dục giới tính cho các em.

Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động: Nghiên cứu kế hoạch giáo dục, giáo án của giáo viên; các văn bản chỉ đạo của ban giám hiệu trường có liên quan đến giáo dục giới tính cho học sinh.

Đối tượng khảo sát: Tiến hành khảo sát 223 học sinh ở 5 lớp của 5 khối. Song song đó, đề tài cũng tiến hành khảo sát 66 giáo viên và 3 cán bộ quản lý.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thực trạng nhận thức về giới tính của học sinh lớp Một

Bảng 1 cho thấy có sự chênh lệch về mức độ nhận thức của học sinh lớp Một. Ở cả 3 nội dung mức nhớ đều đạt cao, trên 95%. Theo tìm hiểu của chúng tôi thì nội dung này các em đã được bố mẹ ở nhà chỉ dạy và nhắc nhở ở nhà. Trên lớp các em được học lại thông qua bài “Cơ thể chúng ta” ở bộ môn Tự nhiên và xã hội và được giáo viên giáo dục thông qua các hoạt động giáo dục. Có thể thấy 3 nội dung này học sinh nhớ rất tốt khi có sự kết hợp giáo dục giữa gia đình và nhà trường. Ở độ tuổi này các em nhớ trực quan hình ảnh là chủ yếu, những tài liệu trực quan (sự vật và hình ảnh của nó). Tuy nhiên, không phải nhớ được là hiểu được, có khá nhiều em nhớ mà chưa hiểu, tỷ lệ hiểu chỉ chiếm 69,04% ở nội dung thứ nhất. Khi được hỏi về bộ phận nhạy cảm, một số em cười và bỏ đi không trả lời, một số em khác nói : “*Mẹ con nói không được cho bạn hay người khác xem vùng kín của mình, như vậy là xấu hổ*”. Một số em khác nói “*Cô con dạy cho người khác sờ mó vùng kín là không tốt và nguy hiểm*”.

Mặc dầu học sinh lớp Một nhớ và hiểu được các bộ phận trên cơ thể, nhất là vùng nhạy cảm không cho ai sờ hay chạm vào, nhưng khi vận dụng vào tình huống cụ thể thì nhiều học sinh không thể hiện được mức hiểu của mình. Nhiều em học xong thay đồ ngay tại lớp một cách hồn nhiên, không cần che giấu, không chút ngại ngùng.

Bảng 1. Nhận thức của học sinh lớp Một về giới tính

TT	Nội dung	Mức độ					
		Mức 1 (Nhớ)	Mức 2 (Hiểu)	Mức 3 (Vận dụng)	Mức 4 (Phân tích)	Mức 5 (Đánh giá)	Mức 6 (Sáng tạo)
		TL (%)	TL (%)	TL (%)	TL (%)	TL (%)	TL (%)
1	Nhận biết các bộ phận trên cơ thể và biết bảo vệ vùng nhạy cảm	95,23	69,04	54,76	21,42	11,9	0
2	Vệ sinh thân thể sạch sẽ	97,61	83,33	52,38	38,09	23,8	9,5
3	Không nhận quà của người lạ, không đi theo người lạ khi chưa được người thân cho phép	97,61	92,85	66,66	38,09	21,42	11,9

Chỉ có 54,76% biết vận dụng, biết đứng tách ra nam một bên, nữ một bên và đứng che cho nhau để thay đồ. Trong trường hợp này, nhận thức đúng nhưng hành vi lại không phụ thuộc vào nhận thức. Các em học xong đang rất đói, vội vàng thay đồ để được ăn cơm, không còn nghĩ tới giữ gìn, ý tứ trong khi thay đồ nữa. Các em khác thỏa mãn tính tò mò, thích khám phá cơ thể các bạn khác giới. Điều này phù hợp với đặc điểm phát triển tư duy của học sinh đầu tuổi tiểu học, đó là tư duy trực quan hành động chiếm ưu thế. Điều này giải thích lý do từ mức phân tích trở đi số lượng học sinh lớp này đạt rất ít. Nội dung “vệ sinh thân thể sạch sẽ”, mức vận dụng chỉ đạt tỷ lệ 52,38%. Khi được hỏi nhiều em trả lời: *“Hàng ngày đi học về mẹ tắm cho em, có lúc mẹ bận thì không tắm mà chỉ thay đồ”*. Một số em khác: *“Đi học về là em tự vào tắm sạch sẽ, có hôm em tắm xong mẹ bắt vào tắm lại vì còn xà bông trên đầu”*. Khi hỏi các em gái về vấn đề vệ sinh vùng kín, nhiều em e ngại không nói gì, bỏ đi chơi chỗ khác, một số em chỉ nói, *“Cô con nói phải vệ sinh vùng kín sạch sẽ”* và khi hỏi tới thời điểm con vệ sinh vùng kín trong ngày thì các em im lặng

không trả lời. Nội dung “không nhận quà của người lạ, không đi theo người lạ khi chưa được người thân cho phép”. Tuy các em nhớ, hiểu nội dung này chiếm tỷ lệ cao nhưng khi vận dụng bằng cách đưa vào từng tình huống thì tỷ lệ này đạt thấp hơn nhiều so với mức nhớ và hiểu (66,66%). Dù các em được dạy kỹ nhưng giữa lý thuyết và thực hành vẫn còn khoảng cách lớn. Tóm lại, học sinh lớp Một có nhận thức về giới tính chỉ đạt trên 50% ở mức vận dụng đối với các nội dung được gia đình và nhà trường cùng phối hợp giáo dục.

3.2. Thực trạng nhận thức về giới tính của học sinh lớp Hai 4 (46 em học sinh)

Ở nội dung thứ nhất (vệ sinh thân thể sạch sẽ) và nội dung thứ 2 (An toàn khi gặp người lạ) các em học sinh lớp 2 đạt mức nhớ cao, trên 97%. Các em vừa được ba mẹ ở nhà nhắc nhở, vừa được học từ năm lớp một, lại tiếp tục được nhắc nhở ở lớp bởi giáo viên và cô bảo mẫu. Không những nhớ mà tỷ lệ hiểu cũng khá cao (89,13% và 91,30%). Tuy vậy, ở mức vận dụng các em cũng chỉ đạt 67,39% ở nội dung “Vệ sinh thân thể sạch sẽ”. Nhiều em nhớ, hiểu nhưng vẫn chờ bố mẹ làm (theo thói quen ở

nhà). Khi được hỏi, một số em nói: “*Mẹ con không cho con tự tắm*”; “*Buổi sáng ngủ dậy mẹ con dẫn con vào nhà tắm để vệ sinh cho con sạch sẽ rồi mới đưa con đi học*”.

Bảng 2. Nhận thức của học sinh lớp Hai về giới tính

TT	Nội dung	Mức độ					
		Mức 1 (Nhớ)	Mức 2 (Hiểu)	Mức 3 (Vận dụng)	Mức 4 (Phân tích)	Mức 5 (Đánh giá)	Mức 6 (Sáng tạo)
		TL %	TL %	TL %	TL %	TL%	TL %
1	Vệ sinh thân thể sạch sẽ	100	89,13	67,39	21,74	15,22	13,04
2	An toàn khi gặp người lạ	97,83	91,30	65,22	39,13	26,09	10,87
3	Biết bỏ chạy và kêu cứu khi có người khác muốn xâm phạm vào vùng nhạy cảm	89,13	65,22	41,30	21,74	13,04	8,7

Như vậy nhiều bậc phụ huynh quá bao bọc con, thích làm giúp những việc con trẻ làm được dẫn đến một số em chỉ biết “chờ” mà không biết tự chăm sóc cho mình. Ở nội dung này có tới 21,42% số em biết phân tích, 15,22% số em biết đánh giá và 13,04% số em biết sáng tạo. Ở trường nhiều phòng vệ sinh không có vòi xịt, một số em biết đưa chai đi để lấy nước rửa vùng kín sau khi đi vệ sinh vào buổi trưa, biết đưa giấy sạch đi để lau khô. Sau khi tìm hiểu học sinh lớp Hai 4 có 6 em (13,04%) biết sáng tạo như thế này. Điều này dễ hiểu bởi các em nhớ được, hiểu được thì sẽ có những em biết phân tích, đánh giá và sáng tạo. Nội dung “an toàn khi gặp người lạ” Mức vận dụng chỉ chiếm 65,22%, tỷ lệ không cao so với mức nhớ và hiểu. Khi được hỏi các em trả lời là không đi với người lạ, không nói chuyện, không nhận quà của người lạ... Trong thực tế nhiều em vẫn nói chuyện với người lạ khi được người lạ hỏi, một số em khi người lạ cho kẹo bánh vẫn nhận và một số em chạy ra khỏi cổng trường đứng lang thang chờ bố mẹ đến đón. Trong số những em nhớ, hiểu và vận dụng được, có nhiều em biết phân tích và đạt tỷ lệ 39,13%. Có 12 em biết đánh giá, đạt tỷ lệ 26,09%. Chỉ có 5 em

biết sáng tạo, khi được hỏi những em này nói: “*Nếu người lạ kéo em đi em sẽ xô họ và bỏ chạy*”, có em lại nói: “*em sẽ kêu thật to để người khác đến đánh họ*”, tỷ lệ các em biết sáng tạo chỉ đạt 10,87%.

Nội dung “Biết bỏ chạy và kêu cứu khi có người khác muốn xâm phạm vào vùng nhạy cảm” đạt mức nhớ là 89,13% và mức hiểu là 65,22%. Mức vận dụng đạt thấp, chỉ có 41,30%. Theo quan sát của chúng tôi, các em lớp Hai đều biết ra nhà vệ sinh thay đồ nhưng học sinh đồng mà nhà vệ sinh lại nhỏ nên cửa không đóng được kín. Một số bạn nữ đi qua nhà vệ sinh dành cho nam vẫn nán lại ngó vào. Trong khi chen lấn để đi thay đồ, một số bạn nam tóc váy bạn nữ lên, bạn nữ quay lại đưa váy xuống và không nói gì. Trong giờ ra chơi vẫn có hiện tượng bạn nam chạy vào nhà vệ sinh ôm chặt lấy bạn nữ. Bạn nữ chỉ biết cố hết sức vùng ra không được thì đứng khóc và chỉ khi bạn khác đi vệ sinh thấy được vào kêu cô ra thì bạn trai mới chịu thả bạn nữ ra. Theo giáo viên chủ nhiệm thì nội dung giáo dục này không có trong chương trình sách giáo khoa mà giáo viên thường dạy lồng ghép ở các tiết học có nội dung liên quan ở môn tự nhiên xã hội,

môn đạo đức hoặc chủ yếu thông qua tiết giáo dục ngoài giờ chính khóa, tiết sinh hoạt. Theo chúng tôi tìm hiểu thì về phía phụ huynh cũng chỉ nhắc nhở các em phải thay đồ ở chỗ kín đáo, không cho ai nhìn hay xem vùng kín của mình, chưa có cách hướng dẫn các em cách thoát khỏi nguy hiểm như thế nào và vì sao phải làm như vậy. Phụ huynh T.N.T.D nói: *“Tui chỉ hướng dẫn con là thay đồ ở chỗ kín, không để ai nhìn thấy, không cho ai đụng vào vùng nhạy cảm đó, chứ tui cũng không biết dạy như thế nào nữa”*. Phụ huynh P.T.H.N tâm sự: *“Mình dặn con cẩn thận khi đi vệ sinh, khi thay đồ chứ không dám nói sâu vào vấn đề tế nhị đó, con nó còn nhỏ quá chưa hiểu được, sợ lại có tác dụng ngược”*. Có thể thấy rằng ở nội dung

này ít có sự phối hợp của phụ huynh nên kết quả vẫn thấp.

Từ khảo sát trên cho thấy: học sinh lớp Hai có nhận thức về giới tính chưa cao (67,39% vận dụng được ở nội dung 1 và 65,22% vận dụng được ở nội dung 2). Mặc dù rất nguy hiểm nếu các em bị xâm hại nhưng nội dung thứ 3 lại đạt tỷ lệ thấp. Kết hợp với phương pháp trò chuyện với giáo viên, kết quả cho thấy chưa có sự phối hợp tốt giữa cha mẹ, giáo viên trong giáo dục và vì không phối hợp theo sát đề củng cố sau khi giáo viên dạy nên dù giáo viên có dạy nhưng kết quả vẫn đạt không cao.

3.3. Thực trạng nhận thức về giới tính của học sinh lớp Ba, lớp Bốn

Bảng 3. Nhận thức của học sinh lớp Ba, lớp Bốn về biểu hiện của kẻ xâm hại tình dục trẻ em

TT	Biểu hiện	Ý kiến					
		Đúng		Không đúng		Không biết	
		Tỷ lệ %		Tỷ lệ %		Tỷ lệ %	
		Lớp 3	Lớp 4	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 3	Lớp 4
1	Người đó nhìn vào vùng đồ lót của em	62,22	66,67	22,22	14,28	15,56	19,05
2	Người đó cho em xem phim và hình ảnh hở hang về vùng đồ lót của người khác	66,67	71,43	26,67	19	6,66	9,57
3	Người đó đụng chạm, sờ mó vào vùng đồ lót của em	91,11	95,23	6,67	0	2,22	4,77
4	Người đó có những cử chỉ gàn gỏi và những cái ôm khiến em khó chịu	48,89	64,28	26,67	28,57	24,44	7,15
5	Người đó thường xuất hiện khi em ở một mình và lôi kéo em tới nơi vắng người	71,11	88,09	17,78	9,5	11,11	2,41
6	Người đó nói những ngôn từ liên quan đến vùng đồ lót	53,33	66,67	24,44	26,19	22,23	7,14

Kết quả khảo sát ở bảng 3 cho thấy: Học sinh lớp Bốn nhận ra các biểu hiện của kẻ xâm hại tình dục đạt tỷ lệ cao hơn so với học sinh

lớp Ba và có sự chênh lệch nhiều về tỷ lệ giữa các biểu hiện. Số học sinh xác định “Người đó đụng chạm, sờ mó vào vùng đồ lót của em” là

biểu hiện của kẻ xâm hại tình dục là rất cao (91,11% ở lớp 3 và 95,23% ở lớp 4). Nội dung “Người đó thường xuất hiện khi em ở một mình và lôi kéo em tới nơi vắng người” đạt 71,11% ở lớp 3 và 88,09% ở lớp 4. Rõ ràng khi có các hành động đụng, chạm trực tiếp vào cơ thể thì hầu hết các em nhận ra được là biểu hiện của kẻ xâm hại tình dục, còn những biểu hiện không được cụ thể hóa bằng hành động đụng chạm trực tiếp thì không phải em học sinh lớp Ba, lớp Bốn nào cũng nhận ra được. Mặc dầu “Người đó thường xuất hiện khi em ở một mình và lôi kéo em tới nơi vắng người” là biểu hiện rất nguy hiểm, các em rất dễ bị xâm hại, thế nhưng có tới 17,78% số học sinh lớp Ba cho là không phải biểu hiện của kẻ xâm hại tình dục. Một số em chưa định hình ra được những nguy cơ có thể xảy ra sau khi bị người ta đưa đến chỗ

vắng người hay chưa luận ra được tại sao mỗi lần ở một mình là người ta lại xuất hiện. Theo tìm hiểu của chúng tôi thì nhiều cha mẹ chưa quan tâm chỉ dạy và cũng chưa biết cách hướng dẫn cho các em phòng tránh ở tình huống này, chỉ dựa vào sự giáo dục nhà trường, mà thời gian của các thầy cô dành cho việc giáo dục giới tính là có hạn nên hiệu quả không cao. Biểu hiện có tỷ lệ thấp nhất (48,89% ở lớp Ba) là: “Người đó có những cử chỉ gần gũi và những cái ôm khiến em khó chịu”, do phong tục tập quán của người Việt Nam, người lớn là chỗ quen biết cũng thường ôm, bế, cung nựng trẻ trong cuộc sống, dẫn đến nhiều em không nhận ra, có trên 26% học sinh lớp 3 và lớp 4 còn cho rằng đây không phải là biểu hiện của kẻ xấu.

Bảng 4. Nhận thức của học sinh lớp Ba, lớp Bốn về phòng tránh xâm hại tình dục

TT	Nội dung	Ý kiến					
		Đúng		Không đúng		Không biết	
		Tỷ lệ %		Tỷ lệ %		Tỷ lệ %	
		Lớp 3	Lớp 4	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 3	Lớp 4
1	Không để người khác nhìn thấy khi mình đang ở trường	100	100	0	0	0	0
2	Không để người khác âu yếm, gần gũi làm mình khó chịu	46,67	47,62	42,22	40,47	11,11	11,91
3	Không giao tiếp, trò chuyện hay đến gần người lạ	73,33	76,19	22,22	19	4,45	4,81
4	Không nhận quà của người lạ	88,89	92,85	4,44	2,38	6,67	4,77
5	Không đi một mình nơi vắng người	75,56	78,57	15,56	11,9	8,88	9,53
6	Bỏ chạy và kêu cứu khi nhận điện được người khác có biểu hiện xâm hại tình dục với mình	91,11	92,85	0	0	8,89	7,15
7	Kể với bố mẹ, người thân về người có biểu hiện xâm hại tình dục với mình	55,56	57,14	31,11	28,57	13,33	14,29

Qua bảng khảo sát 4 có thể thấy nhận thức của học sinh lớp Ba, lớp Bốn về phòng tránh

xâm hại tình dục có sự chênh lệch nhau về tỷ lệ ở các nội dung. Ở nội dung “Không để người

khác nhìn thấy khi mình đang ở trường”, các em đều nhận thức được hết sự quan trọng của việc giữ gìn bản thân, hơn nữa ở lứa tuổi này các em biết xấu hổ khi người khác nhìn thấy cơ thể mình, do vậy tỷ lệ đạt được 100% cũng là điều dễ hiểu. Cả hai nội dung: “Không nhận quà của người lạ” và “Bỏ chạy và kêu cứu khi nhận diện được người khác có biểu hiện xâm hại tình dục với mình” đều có tỷ lệ cao trên 88% ở cả 2 lớp, chứng tỏ các em đã ý thức được sự nguy hiểm của việc người lạ tặng quà các em cũng đã biết bảo vệ mình bằng cách bỏ chạy và kêu cứu.. Nội dung “Không để người khác âu yếm, gần gũi làm mình khó chịu” đạt tỷ lệ học sinh có ý kiến đúng thấp nhất trong bảng khảo sát, chỉ 47,62% ở lớp 4 và 46,67% ở lớp 3, có hơn 40% số em cho là không đúng và hơn 11% không biết (ở cả 2 lớp). Như vậy nhiều học sinh xem việc người khác âu yếm, gần gũi mình là một cách thể hiện tình cảm và không có nguy hại gì cho nên các em không xem việc khước từ điều đó là cách phòng tránh bị xâm hại. Nội dung “Kể với bố mẹ, người thân về người có biểu hiện xâm hại tình dục với mình” cũng chỉ có 57,14% số học sinh lớp 4 và 55,56% số học sinh lớp 3 cho là đúng, trên 28% học sinh 2 lớp lại cho là không đúng và trên 13% không biết. Điều này cho thấy các em còn e ngại hay không dám nói những vấn đề liên quan tới giới tính với bố mẹ, người thân nên nhiều em chọn giải pháp không kể khi nhận ra có ai đó có biểu hiện xâm hại tình dục với mình, và điều này là vô cùng nguy hiểm.

3.4. Thực trạng nhận thức về giới tính của học sinh lớp Năm (44 học sinh)

Qua khảo sát cho thấy: 100% học sinh phân biệt được bé trai, bé gái dựa vào cơ quan sinh dục. Đây là nội dung gần gũi với các em trong cuộc sống ở gia đình, lại được cô giáo dạy ở trường nên tỷ lệ đạt được là tối đa. Nội dung về vấn đề “kinh nguyệt” có trên 72% học

sinh nắm được, còn những nội dung khác đều đạt trên 50%. Theo chúng tôi tìm hiểu thì những học sinh có nhận thức hạn chế về giới tính như lo sợ khi đến kỳ kinh nguyệt, không biết vệ sinh sạch sẽ, đa phần đều rơi vào những trường hợp bố mẹ không quan tâm, không chỉ dạy cho các em ở nhà. Nội dung giáo dục giới tính rất cần được giáo dục tại gia đình, rất quan trọng. Nếu phối hợp tốt giữa cha mẹ và giáo viên thì sẽ đem lại hiệu quả giáo dục. Khi học về giới tính có tới 72,72% số học sinh cảm thấy e ngại, đây là tâm lý lây lan chung, nó được xuất phát bởi sự ảnh hưởng của phong tục tập quán và tâm lý e ngại khi nói về những vấn đề nhạy cảm của người Việt Nam nói chung. Nhiều cha mẹ còn cho rằng: “giáo dục giới tính là “vẽ đường cho hươu chạy”.

3.5. Thực trạng nhận thức của ban giám hiệu và giáo viên về giáo dục giới tính cho học sinh Trường Tiểu học VVH

Kết quả ở bảng 5 cho thấy: 100% ban giám hiệu và giáo viên có nhận thức đúng về các mục tiêu giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học. Ban giám hiệu cũng như đội ngũ giáo viên Trường tiểu học VVH đã nhận thức được sự cần thiết của việc giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học và cũng đã nhận thức được các mục tiêu của giáo dục giới tính đây cũng là điều dễ hiểu bởi hơn ai hết chính các thầy cô là người hiểu học trò của mình. Các em còn ngây thơ và rất dễ bị dụ dỗ, bị xâm hại tình dục nếu như không được trang bị kiến thức về giới tính.

Thế nhưng từ nhận thức đến thực hiện lại là một vấn đề. Vẫn không có một văn bản nào từ phía nhà trường chỉ đạo về giáo dục giới tính, không tổ chức được chuyên đề riêng dành cho giáo dục giới tính. Qua trao đổi cho thấy nhà trường tổ chức giáo dục cho học sinh dưới sự hướng dẫn của các ban ngành cấp trên và hiện tại Phòng Giáo dục và Đào tạo và Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa có văn bản chỉ đạo riêng về giáo dục giới tính mà đang ở mức độ lồng ghép.

Bảng 5. Thực trạng nhận thức của giáo viên về mục tiêu giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học (Khảo sát 66 giáo viên)

TT	Mục tiêu giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học	Mức độ đồng ý			
		Đồng ý		Không đồng ý	
		Tỷ lệ %		Tỷ lệ %	
		Ban giám hiệu	Giáo viên	Ban giám hiệu	Giáo viên
1	Giúp học sinh xây dựng được mối quan hệ nhân văn giữa hai giới	100	100	0	0
2	Giúp học sinh nắm được sự phát triển và sự khác nhau về giới tính giữa hai giới	100	100	0	0
3	Giúp học sinh thấy được sự cần thiết phải có quan hệ giới tính lành mạnh	100	100	0	0
4	Giúp học sinh hình thành ý thức tự trọng, tự tôn, giữ gìn và bảo vệ những giá trị, nhân phẩm của mình nói riêng và niềm tự hào về giới nói chung	100	100	0	0
5	Giúp học sinh có thái độ tôn trọng người khác, giới khác	100	100	0	0
6	Giúp học sinh tỉnh táo trước các nguy cơ dẫn đến bị xâm hại tình dục, kiên quyết từ chối mọi cám dỗ dẫn đến bị xâm hại	100	100	0	0
7	Giúp học sinh có kỹ năng ứng xử phù hợp với bạn khác giới	100	100	0	0
8	Giúp học sinh biết cách phòng tránh lạm dụng và xâm hại tình dục	100	100	0	0
9	Giúp học sinh biết bảo vệ người khác khi bị xâm hại tình dục	100	100	0	0

4. MỘT SỐ KHÓ KHĂN CỦA GIÁO VIÊN TRONG VIỆC GIÁO DỤC GIỚI TÍNH CHO HỌC SINH TẠI TRƯỜNG TIỂU HỌC VVH

Để tìm hiểu những khó khăn của giáo viên Trường tiểu học VVH, người nghiên cứu tiến hành trò chuyện với các giáo viên và cán bộ quản lý nhà trường bằng câu hỏi: “Những khó khăn mà cô thường gặp trong quá trình giáo dục giới tính cho học sinh?”.

Dưới đây là những câu trả lời mà người nghiên cứu tổng hợp được:

Trường phải dựa vào các tiêu chí đánh giá để lập kế hoạch giáo dục phù hợp. “Đánh giá cái gì, cách nào thì chúng tôi làm như thế”. “Chúng tôi làm theo chỉ đạo từ cấp trên”.

Khó khăn từ cơ sở vật chất: Trường chia làm 3 cơ sở, trang thiết bị phục vụ cho việc giảng dạy như máy chiếu phải lưu chuyển từ cơ sở này qua cơ sở khác tạo nên sự khó khăn

trong giáo dục; sân chơi hẹp khó khăn trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài trời.

Khó khăn từ học sinh: Sự tiếp thu của các em không đồng đều. Nhiều em e ngại, xấu hổ không dám nói ra ý kiến của mình khi học đến nội dung giáo dục giới tính.

Khó khăn từ cha mẹ, gia đình: Một số phụ huynh chưa nhận thức được tầm quan trọng của việc giáo dục giới tính cho con em mình nên chưa quan tâm tới vấn đề này; chưa có sự thống nhất trong cách giáo dục giới tính cho học sinh giữa giáo viên và gia đình. Một số cha mẹ chưa hợp tác chặt chẽ cùng giáo viên.

Khó khăn về thời gian: Giáo viên không có nhiều thời gian để giáo dục giới tính cho học sinh, chủ yếu là lồng ghép vào trong giờ học và các hoạt động giáo dục khác.

Khó khăn khác: Nhà trường chưa thực sự quan tâm đến việc giáo dục giới tính cho học sinh, chưa có văn bản chỉ đạo về giáo dục giới tính, chưa có chuyên đề riêng về giáo dục giới tính mà chỉ lồng ghép vào những nội dung khác trong một chuyên đề. Giáo viên chưa được đào tạo, chưa được tập huấn về phương pháp giáo

dục giới tính. Thiếu tài liệu về giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học bằng tiếng Việt. Số học sinh trong lớp đông, trung bình 45 học sinh/ 1 lớp. Vì vậy khó khăn trong đổi mới phương pháp dạy học và giáo dục.

5. KẾT LUẬN

Kết quả khảo sát và phân tích thực trạng giáo dục giới tính cho học sinh Trường Tiểu học VVH cho thấy: Tất cả ban giám hiệu và giáo viên Trường Tiểu học VVH nhận thức được đầy đủ các mục tiêu của giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học. Thế nhưng trong thực tế nhà trường chưa có sự chỉ đạo ráo riết về giáo dục giới tính, cụ thể chưa có văn bản nào về chỉ đạo giáo dục giới tính. Không tổ chức được chuyên đề riêng dành cho giáo dục giới tính. Giáo viên cũng không có nhiều thời gian để giáo dục giới tính cho các em. Những nội dung nào có sự phối hợp cùng giáo dục của giáo viên và gia đình thì học sinh đạt được nhận thức về giới tính ở mức độ cao. Nội dung nào và những học sinh nào không được sự quan tâm giáo dục từ phía gia đình, không có sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình và nhà trường thì những em đó có nhận thức đạt ở mức thấp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thị Kim Dung, Ngô Thu Dung, Nguyễn Hữu Chí – Phan Thu Lạc – Nguyễn Thị Hằng (2005), *Lí luận giáo dục học Việt Nam*, Nxb. Đại học Sư phạm.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Tự nhiên và xã hội 1*, Nxb. Giáo dục.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Tự nhiên và xã hội 3*, Nxb. Giáo dục.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Khoa học 5*, Nxb. Giáo dục.